TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MĐ – TP. HN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**203**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MĐ - THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Việt Cường.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Đồng.**
Ông **Lê Mạnh Nhanh.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hữu Vinh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện MĐ, thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MĐ, thành phố HN tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hoà** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện MĐ, thành phố HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm T. K. O, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 8, thôn YV, xã HS, huyện MĐ, thành phố HN.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn. T. S, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 8, thôn YV, xã HS, huyện MĐ, thành phố HN.

Chị O và anh S vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Phạm T. K. O trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn. T. S lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểm và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HS, huyện MĐ thành phố HN vào ngày 17/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm và đến tháng 1 năm 2018 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng sống ly thân, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn. T. S để cả hai cùng ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Chị và anh Nguyễn. T. S có 02 con chung là Ng. Ngọc. M, sinh ngày 12/06/2008 và Ng. Ph. Gi. Qu, sinh ngày 03/12/2011, 02 con khoẻ mạnh hiện nay đang ở với bố. Ly hôn chị đồng ý để anh S nuôi hai con, vì các con có nguyện vọng ở với bố. Do anh S nuôi hai con nên chị tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng để anh S nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai và đơn đề nghị có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn. T. S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Phạm T. K. O kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện MĐ, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị O có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn nhưng do anh bận công tác không đến tòa án để hòa giải được nên đề nghị tòa án xét xử cho anh vắng mặt và giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn theo bản tự khai và đơn đề nghị của anh và chị O.

- *Về con chung:* Anh cũng thống nhất với chị O là vợ chồng có 02 con chung là Ng. Ngọc. M, sinh ngày 12/06/2008 và Ng. Ph. Gi. Qu, sinh ngày 03/12/2011, 02 con khoẻ mạnh hiện nay đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con, vì các con có nguyện vọng ở với anh và chị O cũng đồng ý để anh nuôi hai con. Anh nuôi hai con đồng ý chị O cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị O là 2.000.000đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị O, bị đơn anh S đều vắng mặt và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện MĐ (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm T. K. O xử cho chị Phạm T. K. O được ly hôn anh Nguyễn. T. S.

- *Về con chung đề nghị:* Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Giao 02 con chung Ng. Ngọc. M, sinh ngày 12/06/2008 và Ng. Ph. Gi. Qu, sinh ngày 03/12/2011 cho anh Nguyễn. T. S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm T. K. O cấp dưỡng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/tháng để anh S nuôi hai con.

- *Tài sản chung và nợ chung:* do đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* chị Phạm T. K. O phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Phạm T. K. O khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn. T. S nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn. T. S có hộ khẩu tại: xóm 8, thôn YV, xã HS, huyện MĐ, HN nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MĐ theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phạm T. K. O và anh Nguyễn. T. S đều có bản tự khai và có đơn đề nghị toà án xét xử vắng mặt và cho vợ chồng anh chị được ly hôn. Nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt đối với cả nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm T. K. O và anh Nguyễn. T. S được xây dựng trên cơ sở tìm hiểm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện MĐ vào ngày 17/9/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, chị O và anh S đều có bản tự khai và đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt trình bày: đề nghị tòa án xử cho vợ chồng anh chị được ly hôn vì vợ chồng sống ly thân đã lâu hiện nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Xét thấy các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh S đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị O và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MĐ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Phạm T. K. O và anh Nguyễn. T. S có 02 con chung Ng. Ngọc. M, sinh ngày 12/06/2008 và Ng. Ph. Gi. Qu, sinh ngày 03/12/2011, hai con khoẻ mạnh hiện nay đang ở với anh S.

Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, Hội đồng xét xử thấy: Anh S có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị O đồng ý để anh S nuôi hai con và hai con có đơn đề nghị xin được ở với anh S. Xét đây cũng là sự tự nguyện của vợ chồng và sự tự nguyện lựa chọn của các con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

huyện MĐ, theo đó giao 02 con chung Ng. Ngọc. M, sinh ngày 12/06/2008 và Ng. Ph. Gi. Qu, sinh ngày 03/12/2011trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm T. K. O cấp dưỡng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/tháng để anh S nuôi hai con.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự đều xác nhận không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm T. K. O đối với anh Nguyễn. T. S.

Xử chị Phạm T. K. O được ly hôn anh Nguyễn. T. S.

2. Về con chung: Xác nhận chị Phạm T. K. O và anh Nguyễn. T. S có 02 con chung Ng. Ngọc. M, sinh ngày 12/06/2008 và Ng. Ph. Gi. Qu, sinh ngày 03/12/2011.

Giao 02 con chung Ng. Ngọc. M, sinh ngày 12/06/2008 và Ng. Ph. Gi. Qu, sinh ngày 03/12/2011 cho anh Nguyễn. T. S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm T. K. O cấp dưỡng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/tháng để anh S nuôi hai con, việc cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Sau khi ly hôn chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm T. K. O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 039431 ngày 19/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện MĐ, thành phố HN và phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị O và bị đơn anh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND TP. HN;
- VKSND huyện MĐ;
- Chi cục THADS huyện MĐ;
- UBND xã HS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Việt Cường